



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động, là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021688, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được cấp lại mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102636299 ngày 25 tháng 08 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 15 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 ngày 14 tháng 03 năm 2024 về việc thay đổi thông tin cá nhân của Tổng Giám đốc.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 3772 6966
- Fax : (024) 3772 6989

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 7, tòa nhà điều hành MobiFone, số 87 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 4, tòa nhà MobiFone, số 391 Nguyễn Văn Linh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (tháp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;
- Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đinh Hoa Mai	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2024
Ông Tường Duy Phúc	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2024
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Thái Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Phan Tiến Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
		Đã qua đời ngày 06 tháng 8 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Cao Thành Chung	Trưởng ban	Ngày 23 tháng 10 năm 2023
Ông Đinh Trọng Nghĩa	Thành viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Quang Hải	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2023
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
		Đã qua đời ngày 06 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Tú	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Hải - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc


Vũ Quang Hải

Ngày 18 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0064/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2025

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.309.838.532	249.659.596.860
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.672.519.477	32.426.017.578
1. Tiền	111		14.672.519.477	32.426.017.578
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.700.501.683	107.773.748.314
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	97.700.501.683	107.773.748.314
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.866.984.761	107.553.310.061
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	103.603.290.988	92.926.002.133
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		585.720.416	304.106.482
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	18.011.984.967	14.657.213.056
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(334.011.610)	(334.011.610)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		447.270.650	319.873.398
1. Hàng tồn kho	141	V.5	447.270.650	319.873.398
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.622.561.961	1.586.647.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.622.561.961	1.586.647.509
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.509.991.090	6.907.936.322
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.965.973.224	3.064.263.724
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	4.965.973.224	3.064.263.724
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.395.471.077	2.739.420.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.395.471.077	2.739.420.076
Nguyên giá	222		268.216.910.437	268.216.910.437
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(266.821.439.360)	(265.477.490.361)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.019.000.000	1.019.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.019.000.000)	(1.019.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.148.546.789	1.104.252.522
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.148.546.789	1.104.252.522
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		243.819.829.622	256.567.533.182

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		72.121.325.194	74.844.114.486
I. Nợ ngắn hạn	310		72.121.325.194	74.844.114.486
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	21.582.720.661	22.516.552.782
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		161.587.003	269.284.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	4.923.054.981	5.696.670.055
4. Phải trả người lao động	314		22.480.053.996	23.392.411.720
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.113.677.435	10.658.978.253
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		30.890.323	36.344.868
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	7.361.112.244	7.412.294.114
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	5.468.228.551	4.861.578.693
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		171.698.504.428	181.723.418.696
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	171.698.504.428	181.723.418.696
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.629.790.000	70.629.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.836.222.502	81.836.222.502
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.232.491.926	29.257.406.194
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.704.950.083	29.257.406.194
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.527.541.843	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		243.819.829.622	256.567.533.182

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thuý

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	372.177.472.647	396.918.608.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		372.177.472.647	396.918.608.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	344.574.049.061	365.173.206.775
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.603.423.586	31.745.402.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.706.685.737	9.196.767.147
7. Chi phí tài chính	22		45.442.027	38.376.235
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	213.550.221	183.829.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.118.774.268	15.352.493.941
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.932.342.807	25.367.469.916
11. Thu nhập khác	31		90.910	69.781.878
12. Chi phí khác	32		3.771.977	37.796
13. Lợi nhuận khác	40		(3.681.067)	69.744.082
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.928.661.740	25.437.213.998
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	3.401.119.897	5.136.215.217
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.527.541.843	20.300.998.781
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.477	2.040
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	1.477	2.040

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân , P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.928.661.740	25.437.213.998
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	1.343.948.999	1.344.084.624
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(14.561.720)	(16.681.854)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.607.637.736)	(9.096.838.808)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.650.411.283	17.667.777.960
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.474.661.288)	10.583.299.122
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(127.397.252)	1.578.026.540
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.853.060.554)	(21.598.860.721)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(80.208.719)	(187.452.579)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(4.286.215.217)	(4.326.077.674)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.12	(4.888.630.753)	(6.064.050.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.059.762.500)	(2.347.338.043)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(26.080.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.500.000.000	47.083.999.697
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.453.190.356	8.825.903.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.953.190.356	29.829.903.482

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.650.493.000)	(18.063.579.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.650.493.000)	(18.063.579.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.757.065.144)	9.418.986.339
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	32.426.017.578	22.990.170.133
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.567.043	16.861.106
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.672.519.477	32.426.017.578

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;
- Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 7, tòa nhà điều hành MobiFone, số 87 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 4, tòa nhà MobiFone, số 391 Nguyễn Văn Linh, phường Thạch Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (tháp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Tầng 1, tòa nhà Mộc Gia, 1/12 Hoàng Việt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 2.379 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.354 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thuê văn phòng, nhà trạm và công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí thuê văn phòng, nhà trạm

Chi phí thuê văn phòng, nhà trạm thể hiện khoản tiền thuê đã trả trước cho thời gian Công ty thuê. Chi phí thuê văn phòng, nhà trạm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (03 tháng).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	02-06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-06

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, dịch vụ cho thuê nhà trạm, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và một số dịch vụ, hàng hóa khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	171.124.145	45.303.112
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.501.395.332	32.380.714.466
Cộng	14.672.519.477	32.426.017.578

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6%/năm, thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội với tổng số tiền là 21.031.699.053 VND (số đầu năm là 25.693.748.314 VND) được cầm cố để bảo lãnh cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	97.585.595.208	86.207.272.673
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	97.341.573.208	86.164.234.673
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	244.022.000	43.038.000
Phải thu các khách hàng khác	6.017.695.780	6.718.729.460
Công ty Cổ phần HTN Việt Nam	1.668.717.154	1.668.717.154
Các khách hàng khác	4.348.978.626	5.050.012.306
Cộng	103.603.290.988	92.926.002.133

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	8.717.438.050	-	7.845.117.484	-
Tổng Công ty Viễn thông	7.886.462.732	-	6.490.545.931	-
MobiFone - Doanh thu tạm tính				
Tổng Công ty Viễn thông	830.975.318	-	1.354.571.553	-
MobiFone - Ký cược, ký quỹ				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.294.546.917	-	6.812.095.572	-
Doanh thu tạm tính	3.331.750.269		2.402.383.889	
Tạm ứng	4.127.116.786	-	1.551.786.189	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.591.670.675	-	2.437.223.295	-
Ký cược, ký quỹ	8.500.000	-	15.974.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	235.509.187	-	404.728.199	-
Cộng	18.011.984.967	-	14.657.213.056	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Viễn thông	1.074.480.600		1.020.000.000	
MobiFone – Bên liên quan		-		-
Các tổ chức và cá nhân khác	3.891.492.624	-	2.044.263.724	-
Cộng	4.965.973.224	-	3.064.263.724	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	130.831.120	-	12.800.754	-
Hàng hóa	316.439.530	-	307.072.644	-
Cộng	447.270.650	-	319.873.398	-

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ dự án	-	188.587.054
Gói tin nhắn quảng cáo và datacode	585.454.545	585.454.545
Chi phí thuê văn phòng	752.131.158	645.265.286
Chi phí thuê nhà trạm	165.663.258	25.774.624
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	119.313.000	141.566.000
Cộng	1.622.561.961	1.586.647.509

6b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.750.708.203	231.932.145.316	1.756.660.000	4.777.396.918	268.216.910.437
Số cuối năm	<u>29.750.708.203</u>	<u>231.932.145.316</u>	<u>1.756.660.000</u>	<u>4.777.396.918</u>	<u>268.216.910.437</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.750.708.203	227.373.575.620	1.124.796.364	4.777.396.918	263.026.477.105
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	29.750.708.203	229.735.357.303	1.214.027.937	4.777.396.918	265.477.490.361
Khấu hao trong năm		1.281.337.607	62.611.392		1.343.948.999
Số cuối năm	<u>29.750.708.203</u>	<u>231.016.694.910</u>	<u>1.276.639.329</u>	<u>4.777.396.918</u>	<u>266.821.439.360</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	2.196.788.013	542.632.063	-	2.739.420.076
Số cuối năm	-	<u>915.450.406</u>	<u>480.020.671</u>	-	<u>1.395.471.077</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	440.324.489	80.211.313
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	34.341.202	80.211.313
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu	405.983.287	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	21.142.396.172	22.436.341.469
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ và Thương mại DTC	2.431.048.680	2.525.756.386
Công ty TNHH Điện tử HataGroup Việt Nam	1.722.841.340	2.317.425.660
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Viễn thông TKH	2.403.149.905	1.652.407.163
Các nhà cung cấp khác	14.585.356.247	15.940.752.260
Cộng	21.582.720.661	22.516.552.782

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.383.612.278	21.952.146.909	(21.782.439.037)	3.553.320.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.136.215.217	3.401.119.897	(4.286.215.217)	1.251.119.897
Thuế thu nhập cá nhân	176.842.560	913.068.342	(971.295.968)	118.614.934
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Thuế nhà thầu	-	390.894.859	(390.894.859)	-
Cộng	5.696.670.055	26.666.230.007	(27.439.845.081)	4.923.054.981

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất như sau:

- Doanh thu lệ phí sân bay	Không chịu thuế
- Doanh thu bán vé máy bay quốc tế	0%
- Doanh thu dịch vụ giá trị gia tăng, chăm sóc khách hàng, cho thuê viba	8%-10%
- Các loại doanh thu khác	8%-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.928.661.740	25.437.213.998
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	76.937.747	243.862.081
- Các khoản điều chỉnh tăng	76.937.747	243.862.081
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	17.005.599.487	25.681.076.079
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.401.119.897	5.136.215.217

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	300.000	1.378.367.465
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Chi phí dịch vụ Fast Credit, văn phòng điện tử E-Office	300.000	1.378.367.465
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	10.113.377.435	9.280.610.788
Phí dịch vụ nội dung và kỹ thuật	9.918.437.081	8.940.559.380
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	194.940.354	340.051.408
Cộng	10.113.677.435	10.658.978.253

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả khác ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	400.263.130	946.384.122
Bảo hiểm xã hội	-	7.106.210
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.000.000	225.000.000
Cổ tức phải trả	5.867.289.100	5.856.073.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	873.560.014	377.729.932
Cộng	7.361.112.244	7.412.294.114

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	4.561.238.766	300.339.927	4.861.578.693
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.492.580.611	-	5.492.580.611
Tăng do nhận tiền thưởng từ Tổng Công ty Viễn Thông MobiFone	2.700.000	-	2.700.000
Chi quỹ trong năm	(4.888.630.753)	-	(4.888.630.753)
Số cuối năm	5.167.888.624	300.339.927	5.468.228.551

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	70.629.790.000	81.836.222.502	35.970.133.024	188.436.145.526
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	20.300.998.781	20.300.998.781
Trích lập các quỹ	-	-	(5.492.580.611)	(5.492.580.611)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(332.208.000)	(332.208.000)
Chia cổ tức	-	-	(21.188.937.000)	(21.188.937.000)
Số dư cuối năm trước	70.629.790.000	81.836.222.502	29.257.406.194	181.723.418.696
Số dư đầu năm nay	70.629.790.000	81.836.222.502	29.257.406.194	181.723.418.696
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	13.527.541.843	13.527.541.843
Trích lập các quỹ	-	-	(5.492.580.611)	(5.492.580.611)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(402.428.000)	(402.428.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.657.447.500)	(17.657.447.500)
Số dư cuối năm nay	70.629.790.000	81.836.222.502	19.232.491.926	171.698.504.428

13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	22.080.000.000	22.080.000.000
Các cổ đông khác	48.549.790.000	48.549.790.000
Cộng	70.629.790.000	70.629.790.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân , P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.062.979	7.062.979

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

13d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2024/MFS ngày 27 tháng 06 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức (25% vốn góp của Chủ sở hữu) cho các cổ đông	: 17.657.447.500
• Trích thù lao HĐQT và BKS	: 402.428.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.492.580.611

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

14a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 11.674,63 USD (số đầu năm là 11.460,64 USD).

14b. Nợ khó đòi đã xử lý

Là các công nợ phải thu khó đòi quá hạn trên 3 năm, đã trích lập 100%.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Dịch vụ MobiFone Khu vực 1 - Chi nhánh	576.499.870	576.499.870
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone		
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cách nhiệt	4.599.674	4.599.674
Việt Nam		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Di Doanh	20.853.913	20.853.913
Ông Nguyễn Quang Hưng	14.247.600	14.247.600
Cộng	616.201.057	616.201.057

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	418.291.166	2.693.415.660
Doanh thu cung cấp dịch vụ	371.701.989.787	394.157.142.308
Doanh thu khác	57.191.694	68.051.001
Cộng	372.177.472.647	396.918.608.969

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone		
Cung cấp dịch vụ	328.138.606.142	355.621.545.825
Tiền điện thu hộ trả hộ	57.191.694	68.051.001
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone		
Cung cấp dịch vụ	1.026.939.174	517.560.556

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	414.211.166	2.681.025.661
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	344.102.646.201	362.424.130.113
Giá vốn khác	57.191.694	68.051.001
Cộng	<u><u>344.574.049.061</u></u>	<u><u>365.173.206.775</u></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.607.637.736	9.096.838.808
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.548.037	18.666.316
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	67.938.244	64.580.169
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.561.720	16.681.854
Cộng	<u><u>5.706.685.737</u></u>	<u><u>9.196.767.147</u></u>

4. Chi phí bán hàng

Là các chi phí dịch vụ mua ngoài.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.556.063.497	10.041.910.757
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.922.412	84.070.075
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.422.920.667	4.973.688.791
Các chi phí khác	76.867.692	243.824.318
Cộng	<u><u>16.118.774.268</u></u>	<u><u>15.352.493.941</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay ⁽ⁱⁱ⁾	Năm trước ⁽ⁱ⁾
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.527.541.843	20.300.998.781
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.705.508.000)	(5.492.580.611)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	(388.860.000)	(402.428.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.433.173.843	14.405.990.170
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.062.979	7.062.979
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.477	2.040

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại, giảm từ 2.243 VND xuống 2.040 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023/MFS ngày 27 tháng 06 năm 2024.

(ii) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm nay và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tạm tính theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch được HĐQT thường niên năm 2024 thông qua.

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	910.110.951	853.387.720
Chi phí nhân công	246.963.092.267	252.614.887.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.343.948.999	1.344.084.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.984.304.675	92.409.467.688
Chi phí khác	28.290.705.492	30.806.676.776
Cộng	360.492.162.384	378.028.504.304

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Bà Đinh Hoa Mai	Chủ tịch HĐQT (từ 20/11/2024)	-	-	-	-
Ông Tường Duy Phúc	Chủ tịch HĐQT (đến 20/11/2024)	300.211.603	30.225.000	77.532.000	407.968.603
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	438.187.189	34.800.000	55.380.000	528.367.189
Ông Phan Tiến Dũng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc (đến 06/8/2024)	143.821.357	28.875.000	55.380.000	228.076.357
Ông Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT	-	-	55.380.000	55.380.000
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	513.835.983	34.800.000	55.380.000	604.015.983
Ông Cao Thành Chung	Trưởng BKS	-	-	36.920.000	36.920.000
Ông Đinh Trọng Nghĩa	Thành viên BKS	-	-	16.614.000	16.614.000
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên BKS	-	-	16.614.000	16.614.000
Ông Nguyễn Anh Tú	Kế toán trưởng	377.160.113	30.800.000	-	407.960.113
Cộng		1.773.216.245	159.500.000	369.200.000	2.301.916.245
Năm trước					
Ông Tường Duy Phúc	Chủ tịch HĐQT	494.818.223	39.050.000	64.596.000	598.464.223
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	490.728.679	39.050.000	46.140.000	575.918.679
Ông Phan Tiến Dũng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	490.756.277	38.600.000	46.140.000	575.496.277
Ông Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT	-	-	42.295.000	42.295.000
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	486.492.428	32.100.000	38.450.000	557.042.428
Ông Cao Thành Chung	Thành viên BKS (đến 27/6/2023)	-	-	27.684.000	27.684.000
Ông Đinh Trọng Nghĩa	Thành viên BKS	-	-	-	-
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên BKS	-	-	-	-
Ông Lê Đức Mạnh (*)	Thành viên BKS (đến 27/6/2023)	-	-	44.298.000	44.298.000
Ông Nguyễn Văn Chiến (*)	Thành viên BKS (đến 27/6/2023)	-	-	44.298.000	44.298.000
Ông Nguyễn Anh Tú	Kế toán trưởng	422.834.482	34.600.000	-	457.434.482
Cộng		2.385.630.089	183.400.000	353.901.000	2.922.931.089

(*) Trong năm 2024, Công ty đã chi bổ sung thù lao năm 2023 cho một số thành viên Ban Kiểm soát.

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu	Công ty mẹ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu (TP Hà Nội)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	Công ty mẹ
Ông Nguyễn Duy Hưng	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone		
Chia cổ tức	5.520.000.000	6.624.000.000
Mua hàng hóa	9.366.886	-
Sử dụng dịch vụ	4.875.036.690	11.701.311.821
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu		
Sử dụng dịch vụ	105.600.000	105.600.000
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu		
Sử dụng dịch vụ	375.910.450	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.8 và V.10.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Đỗ Thị Thanh Thủy

Nguyễn Anh Tú

Vũ Quang Hải